TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Sơn Lâm;

2. Ông Nguyễn Hoàng Phục.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Khổng Phúc Vĩnh N- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X-1987-Yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng P-1984-Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông P do tự quen biết, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2014 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay gây gỗ, cự cải, cuộc sống không

hạnh phúc. Trong thời gian ly thân, cả hai không gặp nhau để tự hòa giải hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên bà X yêu cầu ly hôn với ông P. Về con chung: Bà X và ông P có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D-sinh ngày: 22/5/2005 và Nguyễn Thị Thùy D1-sinh ngày: 19/4/2013, từ khi ly thân đến nay các cháu do ông P chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu D1 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu D đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng p trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà X về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung. Ông P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D1, không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị không công nhận bà X và ông P là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu D1 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu D đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà X và ông P do tự quen biết, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, xét việc bà X yêu cầu ly hôn với ông P, Tòa án không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn để giải quyết theo thủ tục ly hôn mà phải không công nhận bà X và ông P là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà X và ông P có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D-sinh ngày: 22/5/2005 và Nguyễn Thị Thùy D1-sinh ngày: 19/4/2013. Ông bà thống nhất giao cháu D1 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc nuôi dạy con là trách nhiệm chung của cha mẹ. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cũng phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con. Từ khi ly thân đến nay, cháu D1 do ông P trực tiếp nuôi dưỡng, môi trường sống và sinh hoạt của cháu đã ổn định, ông cũng có thu nhập đảm bảo việc nuôi dạy cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Ý kiến cháu D1 cũng đồng ý sống chung với ông P, không yêu cầu mẹ cấp dưỡng, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nghĩ nên công nhận. Đối với cháu D đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu D1 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng, bà X không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14; quy định về mức thu, miễn,giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Hoàng P là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận bà X và ông P có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D-sinh ngày: 22/5/2005 và Nguyễn Thị Thùy D1-sinh ngày: 19/4/2013. Giao cháu D1 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu D đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà X không ai được cản trở. Bà X và ông P có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006780 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, công nhận bà X đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Sáu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**